TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/ 2019/ HS-ST
Ngày: 28/ 8 / 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Lò Thị Chiến
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Ngọc Sáng
2. Bà Lý Thị The

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên .

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33 /2019/TLST-HS, ngày 30/7/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/ QĐXXST-HS ngày 15/8/2019 đối với bị cáo:
Họ và tên: **Vàng Hu D** - tên gọi khác: không - giới tính: Nữ
Sinh năm 1983, tại xã P, huyện M, Lai Châu;
Trú tại: bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: La Hủ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không
Con ông: Vàng A X, sinh năm 1960; và con bà Ly Lò B, đã chết;
Anh chị em ruột: Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình;
Bị cáo chung sống như vợ chồng với Giàng Gió C, sinh năm 1994, nghề nghiệp: Trồng trọt, trú tại bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu;
Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.
Tiền án: Không, tiền sự: Không.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công Hưởng, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Lai Châu. Có mặt.

* Người phiên dịch cho bị cáo: Ông Vàng Ma Xá, trú tại Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 13/4/2019, tại khu vực đầu bản P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu, tổ công tác Đồn biên phòng P đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát thì phát hiện Vàng Chóng H cư trú bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu, đang điều khiển xe máy chở Vàng Hu D, sinh năm 1983 trú tại bản A, xã P, huyện M có biểu hiện nghi vấn hành vi tội phạm ma túy, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe lại để kiểm tra. Sau khi dừng xe máy lợi dụng sơ hở của tổ công tác H đã bỏ chạy trốn về phía tà ly âm. Trong quá trình kiểm tra tại trạm Y tế xã P đã phát hiện bên trong bộ phận sinh dục của D có một gói nilon màu hồng, D lấy gói nilon ở bộ phận sinh dục mình ra, phát hiện bên trong gói nilon màu hồng có 04 gói nhỏ: 01 gói nilon màu hồng, 02 gói nilon màu trắng và 01 gói nilon màu xanh, bên trong các gói nilon là chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc D khai nhận đó là thuốc phiện của D mua được của một người đàn ông dân tộc Mông lạ mặt, không biết tên tuổi ở khu vực xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu với giá 900.000 đồng, D là người nghiện với mục đích mua về để sử dụng hút. Tổ công tác Đồn biên phòng P phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng của Vàng Hu D. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe Waves màu đen, trắng mang biển kiểm soát 88B1- 062.63.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 19/KLGĐ ngày 14/4/2019 của người giám định tư pháp theo vụ việc - Công an huyện M và Kết luận giám định số 194/ GĐ-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *04 mẫu vật chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Vàng Hu D: Có khối lượng là 23.69 gam, là thuốc phiện.*

Cáo trạng số 32/CT-VKS-MT ngày 30/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo: Vàng Hu D về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vàng Hu D và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Vàng Hu D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Vàng Hu D từ 16 tháng đến 22 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.Vật chứng vụ án đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.Tịch thu tiêu hủy 18,49 gam thuốc phiện còn lại sau giám định. Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1

điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định án phí và lệ phí Tòa án.

* Người bào chữa cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay nhất trí quan điểm truy tố đối với bị cáo Vàng Hu D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", điều luật áp dụng theo điểm b khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Vàng Hu D với mức án thấp nhất của khung hình phạt, Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Vàng Hu D là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo ở xã Pa Vệ Sủ, đề nghị HĐXX xem xét miễn nộp án phí cho bị cáo D toàn bộ.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông, theo lời khai của Vàng Hu D có mua thuốc phiện với người đàn ông này hết 900.000 đồng, nhưng De không biết tên tuổi lai lịch người này nên cơ quan Điều tra không có cơ sở điều tra xử lý được đối tượng này.

Đối với Vàng Chóng H là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe Waves màu đen, trắng mang biển kiểm soát 88B1- 062.63, trong quá trình chở Vàng Hu D, H không biết việc D tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra đã trả chiếc xe máy cho ông Vàng Chóng H là người sở hữu xe máy phù hợp với quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo Vàng Hu D mục đích mua thuốc phiện về để sử dụng (Hút), bị cáo đã mua thuốc phiện với giá 900.000 đồng của người dân tộc Mông lạ mặt. Trên đường về nhà đến tại khu vực đầu bản P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu khoảng 08 giờ 30 phút khi Vàng Chóng H điều khiển xe máy chở Vàng Hu D thì bị tổ công tác Đồn biên phòng P, phát hiện, bắt quả tang, vật chứng thu giữ là 04 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 23,69 gam. Ngoài ra còn thu giữ của H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu

HONDA loại xe Waves màu đen, trắng mang biển kiểm soát 88B1- 062.63 chiếc xe máy này là tài sản của Vàng Chóng H.

Như vậy hành vi của bị cáo Vàng Hu D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. tại điều luật qui định: " 1. *Người nàoTàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*"

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố bị cáo D theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những qui định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma tuý, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng vì bị cáo là người nghiện nên đã tàng trữ thuốc phiện trong người giấu vào trong bộ phận sinh dục nhằm mục đích để che giấu hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dăn đe giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc La Hủ, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, hơn nữa có trình độ văn hóa thấp, do vậy nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51BLHS.

[5] Hình phạt bổ xung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng 18,49 gam thuốc phiện còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là dân tộc thiểu số ở xã có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo hộ nghèo, nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 260; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố bị cáo Vàng Hu D phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý"**.**

Xử phạt bị cáo Vàng Hu D 01 (Một) năm 06(Sáu) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019, thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt bổ xung cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 18,49 gam thuốc phiện còn lại sau giám định.

Chấp nhận về xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra - Công an huyện M, trả 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe Waves màu đen, trắng mang biển kiểm soát 88B1- 062.63 cho ông Vàng Chóng H.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng Hu D.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lai Châu*
- *VKSND tỉnh Lai Châu*
- *CA huyện M- THAHS*
- *VKSND huyệnM*
- *THADS huyện M*
- *Người bào chữa*
- *Bị cáo*
- *Lưu hồ sơ*

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

*(*Đã ký)

Lò Thị Chiến